



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 35



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và công ty con (Công ty mẹ và công ty con sau đây gọi chung là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Đỗ Văn Liên	Chủ tịch
Ông Phạm Việt Anh	Thành viên
Ông Trịnh Hữu Hiền	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2013)
Ông Lê Mạnh Tuấn	Thành viên
Ông Mai Thế Toàn	Thành viên
Ông Trịnh Trọng Thành	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2013)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Việt Anh	Tổng Giám đốc
Ông Trần Tuấn Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Mạnh Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Thế Toàn	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Phạm Việt Anh
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2013

Số: 146 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi chung là "Tổng Công ty") được lập ngày 29 tháng 8 năm 2013, từ trang 3 đến trang 35. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Đình Nghi Hạ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0288-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 29 tháng 8 năm 2013
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Thị Kim Khánh
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0395-2013-001-1

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi,

Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		3.837.912.746.798	3.227.642.789.630
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.082.723.889.538	1.088.991.821.550
1. Tiền	111		628.536.984.717	163.837.805.112
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.454.186.904.821	925.154.016.438
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	173.338.281.700	142.334.829.900
1. Đầu tư ngắn hạn	121		177.493.710.080	146.523.710.080
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(4.155.428.380)	(4.188.880.180)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.461.170.629.504	1.880.860.588.203
1. Phải thu khách hàng	131		473.472.718.641	937.350.646.045
2. Trả trước cho người bán	132	7	910.081.210.213	890.659.714.313
3. Các khoản phải thu khác	135		206.524.038.423	198.545.525.468
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(128.907.337.773)	(145.695.297.623)
IV. Hàng tồn kho	140	8	75.136.519.475	83.263.659.560
1. Hàng tồn kho	141		75.136.519.475	83.263.659.560
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		45.543.426.581	32.191.890.417
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		15.726.041.348	10.751.282.812
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		13.215.573.370	5.271.186.700
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		10.816.110	5.395.007.110
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		16.590.995.753	10.774.413.795

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi,

Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+240+250+260+269)	200		4.599.557.819.274	4.704.343.699.192
I. Tài sản cố định	220		3.960.899.957.436	4.150.272.475.138
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	3.331.508.341.076	3.499.915.149.399
- Nguyên giá	222		5.180.972.559.481	5.184.725.476.863
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.849.464.218.405)	(1.684.810.327.464)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	2.893.139.574	2.965.150.093
- Nguyên giá	228		4.491.420.370	4.451.250.670
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.598.280.796)	(1.486.100.577)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	626.498.476.786	647.392.175.646
II. Bất động sản đầu tư	240	12	8.511.460.000	8.511.460.000
1. Nguyên giá	241		8.511.460.000	8.511.460.000
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		445.629.292.865	345.395.418.451
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	13	112.566.016.613	114.688.779.523
2. Đầu tư dài hạn khác	258	14	333.063.276.252	233.063.276.252
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(2.356.637.324)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		182.742.365.954	198.034.653.866
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	172.697.370.271	188.272.086.678
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	3.441.183.404	4.914.875.685
3. Tài sản dài hạn khác	268		6.603.812.279	4.847.691.503
V. Lợi thế thương mại	269	17	1.774.743.019	2.129.691.737
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		8.437.470.566.072	7.931.986.488.822

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi,

Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

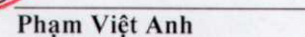
Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		5.005.569.112.864	4.619.152.846.562
I. Nợ ngắn hạn	310		1.637.275.045.653	1.596.304.122.494
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	18	919.396.930.768	944.152.845.914
2. Phải trả người bán	312		385.804.707.161	405.196.547.681
3. Người mua trả tiền trước	313		25.734.442.911	9.199.808.010
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	34.772.125.873	34.323.201.914
5. Phải trả người lao động	315		78.783.039.944	74.781.806.161
6. Chi phí phải trả	316	20	134.748.579.616	77.598.665.637
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		48.800.434.859	47.492.193.249
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		9.234.784.521	3.559.053.928
II. Nợ dài hạn	330		3.368.294.067.211	3.022.848.724.068
1. Phải trả dài hạn khác	333		30.180.502.090	16.989.901.398
2. Vay và nợ dài hạn	334	21	3.337.331.440.121	3.005.858.822.670
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		782.125.000	-
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		2.708.661.494.870	2.589.507.174.209
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	2.708.661.494.870	2.589.507.174.209
1. Vốn cổ phần	411		2.326.000.000.000	2.326.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		167.725.974.592	128.013.266.068
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		30.191.420.194	23.115.069.932
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		8.921.493.957	6.187.816.834
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		175.822.606.127	106.191.021.375
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	23	723.239.958.338	723.326.468.051
TỔNG NGUỒN VỐN (500 = 300+400+439)	500		8.437.470.566.072	7.931.986.488.822
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			30/6/2013	31/12/2012
Ngoại tệ các loại				
- Đô la Mỹ (USD)			2.027.191	1.150.257
- Euro (EUR)			5.358	5.369
- Yên Nhật (JPY)			100	100


 Nguyễn Bá Công
 Người lập biểu


 Nguyễn Thị Kim Anh
 Kế toán trưởng


 Phạm Việt Anh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 29 tháng 8 năm 2013



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi,

Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

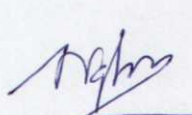
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.324.429.861.489	2.188.411.812.578
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		212.204.286	142.177.595
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	25	2.324.217.657.203	2.188.269.634.983
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	2.046.389.524.959	1.999.298.031.290
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		277.828.132.244	188.971.603.693
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	75.658.263.004	82.428.854.174
7. Chi phí tài chính	22	29	116.777.640.544	269.427.333.223
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		56.948.045.112	73.078.909.145
8. Chi phí bán hàng	24		3.548.378.240	2.838.096.820
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		60.865.635.850	101.713.725.615
10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		172.294.740.614	(102.578.697.791)
11. Thu nhập khác	31		11.203.260.641	473.864.251.914
12. Chi phí khác	32		4.793.646.430	322.402.041.358
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	30	6.409.614.211	151.462.210.556
14. Phần lãi trong công ty liên kết, liên doanh	45	13	11.217.382.798	5.103.836.522
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		189.921.737.623	53.987.349.287
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	40.846.108.526	21.178.603.719
17. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	16	1.473.692.281	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		147.601.936.816	32.808.745.568
<i>Phân bổ cho:</i>				
- Cổ đông thiểu số	61	23	18.315.546.626	(54.427.636.345)
- Cổ đông của Công ty mẹ	62		129.286.390.190	87.236.381.913
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	556	375


Nguyễn Bá Công
 Người lập biểu


Nguyễn Thị Kim Anh
 Kế toán trưởng


Phạm Việt Anh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 29 tháng 8 năm 2013



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi,

Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	189.921.737.623	53.987.349.287
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	175.201.563.849	192.530.316.657
Các khoản dự phòng	03	(19.178.048.974)	43.026.919.372
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04	39.651.927.800	183.278.521.208
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(81.141.550.972)	223.872.671.576
Chi phí lãi vay	06	56.948.045.112	73.078.909.145
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	361.403.674.438	769.774.687.245
Thay đổi các khoản phải thu	09	(276.005.294.265)	(781.830.075.567)
Thay đổi hàng tồn kho	10	9.036.809.203	7.616.889.014
Thay đổi các khoản phải trả	11	423.912.108.967	181.683.715.368
Thay đổi chi phí trả trước	12	12.010.393.503	20.860.570.159
Tiền lãi vay đã trả	13	(75.061.245.365)	(50.081.832.159)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(20.367.860.560)	(17.639.592.046)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	(1.756.120.776)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(9.346.681.722)	(2.684.776.820)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	423.825.783.423	127.699.585.194
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(4.391.862.101)	(33.851.803.420)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	422.544.675.620	918.181.820
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(265.270.000.000)	(385.414.508.952)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	134.300.000.000	281.640.138.054
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	63.653.283.330	84.188.937.173
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	350.836.096.849	(52.519.055.325)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	571.476.776.500	260.600.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(326.168.770.663)	(363.917.587.121)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(26.611.865.892)	(20.279.424.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	218.696.139.945	(123.597.011.121)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	993.358.020.217	(48.416.481.252)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	1.088.991.821.550	819.863.449.693
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	374.047.771	(289.079.242)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	2.082.723.889.538	771.157.889.199

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi,

Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

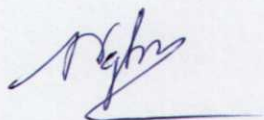
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được không bao gồm số tiền 24.000.000.000 đồng (kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012: không đồng) là số tiền vay dài hạn nhận được thông qua việc trả trước cho người bán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền lãi vay đã trả trong kỳ không bao gồm 30.471.474.534 đồng (kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012: 40.152.862.829 đồng), là số tiền lãi vay phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền thu lãi tiền gửi không bao gồm số tiền 30.218.828.957 đồng (kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012: 13.347.669.981 đồng), là số tiền lãi chưa thu được tại ngày 30 tháng 6 năm 2013. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.



Nguyễn Bá Công
Người lập biểu



Nguyễn Thị Kim Anh
Kế toán trưởng



Phạm Việt Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 8 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN CHUNG****Hình thức sở hữu vốn**Công ty mẹ

Công ty mẹ là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302743192 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và sửa đổi lần thứ 9 ngày 28 tháng 5 năm 2012. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006624 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 5 năm 2007.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 628 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 587 người).

Hoạt động chính của Công ty mẹ là kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác.

Các công ty con

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu (gọi tắt là “Công ty Vũng Tàu”) là công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Dầu khí Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500819392 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 26 tháng 11 năm 2010 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty Vũng Tàu là kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí; tham gia đào tạo và cung ứng thuyền viên cho các tàu vận tải dầu khí; và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác cho các đối tác trong và ngoài nước, kinh doanh dịch vụ môi giới tàu biển, đại lý hàng hải. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 tỷ lệ góp vốn cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty Vận tải Dầu khí Vũng Tàu là 99,85% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tỷ lệ này lần lượt là 95%; 95% và 99,7%).

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội (gọi tắt là “Công ty Hà Nội”) là công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Dầu khí Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102396287 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 26 tháng 11 năm 2010 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi. Hoạt động chính của Công ty Hà Nội là kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác; mua bán vật tư thiết bị và dịch vụ kỹ thuật dầu khí; mua bán xăng dầu và các sản phẩm dầu khí khác. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 tỷ lệ góp vốn cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty Hà Nội là 99,72% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tỷ lệ này lần lượt là 97,25%; 97,25% và 99,62%).

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty Phương Nam”) là công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305662230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và sửa đổi lần thứ 4 ngày 26 tháng 4 năm 2011. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103009978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 4 năm 2008. Hoạt động chính của Công ty Phương Nam là kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, tỷ lệ góp vốn cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty Phương Nam là 53,75%, không thay đổi so với ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty Thái Bình Dương”) là công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305475110 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25 tháng 7 năm 2009 và sửa đổi lần thứ 5 ngày 24 tháng 4 năm 2012. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103009251 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 01 năm 2008. Hoạt động chính của Công ty Thái Bình Dương là kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, tỷ lệ góp vốn cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty Thái Bình Dương là 51%; 64,92% và 64,92%, không thay đổi so với ngày 31 tháng 12 năm 2012.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi

Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (gọi tắt là “Công ty Quốc tế”) là công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008857 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 12 năm 2007 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Hoạt động chính của Công ty Quốc tế là mua bán phương tiện vận tải, cho thuê tàu, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, đường thủy nội địa, kinh doanh vận tải biển và cung cấp các dịch vụ đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển, kiểm đếm hàng hóa, vệ sinh tàu biển, sửa chữa tàu biển tại cảng, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, đào tạo nghề. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, tỷ lệ vốn góp cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty Quốc tế lần lượt là 67,74%; 69,8% và 67,74%, không thay đổi so với ngày 31 tháng 12 năm 2012. Vào ngày 22 tháng 12 năm 2010, Công ty Quốc tế mua lại 51% cổ phần của Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt, một công ty được chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0308515724 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 9 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (gọi tắt là “Công ty Đông Dương”) là công ty được thành lập vào ngày 25 tháng 7 năm 2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018667 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp với tổng vốn điều lệ là 100.000.000.000 đồng. Hoạt động chính của Công ty Đông Dương là kinh doanh dịch vụ taxi, dịch vụ vận tải khí hóa lỏng và xăng dầu và cho thuê xe hạng sang. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, tỷ lệ vốn góp cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty Đông Dương lần lượt là 38,67%; 73% và 38,67%, không thay đổi so với ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long (gọi tắt là “Công ty Cửu Long”) là công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006914 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04 tháng 6 năm 2007 và các giấy chứng nhận kinh doanh điều chỉnh. Hoạt động chính của Công ty Cửu Long là kinh doanh dịch vụ taxi, dịch vụ vận tải, cho thuê xe hạng sang, mua bán hàng hóa, khí hóa lỏng, đại lý kinh doanh xăng dầu, dịch vụ du lịch. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, tỷ lệ vốn góp cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty Cửu Long lần lượt là 22,63%; 60% và 22,63%, không thay đổi so với ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Phương Đông Việt (gọi tắt là “Công ty Phương Đông Việt”) trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải sản phẩm dầu mỏ Phương Đông, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006478 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 4 năm 2007 và các giấy chứng nhận kinh doanh điều chỉnh. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh vận tải biển, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ cung ứng tàu biển, đại lý hàng hải, dịch vụ sửa chữa tàu biển (không hoạt động tại trụ sở), cho thuê phương tiện vận tải tàu biển, xe ô tô, xe cơ giới và khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, dạy nghề, chuẩn bị mặt bằng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 tỷ lệ góp vốn cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty Phương Đông Việt là 63,45% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tỷ lệ này là 54,27%).

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi (gọi tắt là “Công ty Quảng Ngãi”) trước đây là chi nhánh ở Quảng Ngãi của Công ty mẹ, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300560786 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 7 tháng 12 năm 2010. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty Quảng Ngãi là kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ; đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển và các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy, đường bộ và đường hàng không; kinh doanh kho bãi, lưu giữ hàng hóa; vận tải hành khách bằng đường bộ (trừ vận tải bằng xe buýt); cho thuê xe có động cơ; mua bán và cung ứng vật tư, trang thiết bị phục vụ ngành dầu khí, hàng hải; đại lý bán vé máy bay; dịch vụ kỹ thuật dầu khí; kinh doanh dịch vụ môi giới và cung ứng tàu biển. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, tỷ lệ vốn góp cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty Quảng Ngãi lần lượt là 95%; 99,87% và 99,87%, không thay đổi so với ngày 31 tháng 12 năm 2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định**

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Tổng Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 6 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của các công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của các công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ sở hữu của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty mẹ vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty mẹ tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty mẹ tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty mẹ thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty mẹ, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty mẹ vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty mẹ và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty mẹ tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty mẹ liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty mẹ trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 5 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư tài chính và các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Máy móc, thiết bị	3 - 08
Phương tiện vận tải	5 - 25
Thiết bị văn phòng	2 - 08

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và giấy chứng nhận chứng chỉ ISO 9001:2008.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên Quan trực tiếp tới đất sử dụng. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất từ 39 năm đến 51 năm. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn sẽ không trích khấu hao.

Phần mềm máy tính và giấy chứng nhận chứng chỉ ISO 9001: 2008 được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm máy tính và giấy chứng nhận chứng chỉ ISO 9001:2008 được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng hoặc sản xuất phục vụ mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất để bán do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Tổng Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết kỳ kế toán.

Đầu tư tài chính dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Công ty mẹ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết) và không có ảnh hưởng đáng kể, có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn. Tại các năm tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác là dự phòng tổn thất do giảm giá các khoản đầu tư dài hạn hoặc do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa lớn và duy tu tàu định kỳ, chi phí bảo hiểm tàu và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian từ một đến năm năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Ngoại tệ**

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó có thể đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh theo mục đích định trước.

Chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ hiện tại phát sinh từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi

Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	4.615.573.763	3.026.515.574
Tiền gửi ngân hàng	620.184.377.329	160.811.289.538
Tiền đang chuyển	3.737.033.625	-
Các khoản tương đương tiền	1.454.186.904.821	925.154.016.438
	<u>2.082.723.889.538</u>	<u>1.088.991.821.550</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn từ một đến ba tháng tại các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng với lãi suất hàng năm được hưởng từ 6% đến 8% một năm (ngày 31 tháng 12 năm 2012: từ 7,8% - 9% một năm).

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	6.403.710.080	6.403.710.080
Đầu tư ngắn hạn khác	171.090.000.000	140.120.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(4.155.428.380)	(4.188.880.180)
	<u>173.338.281.700</u>	<u>142.334.829.900</u>

Đầu tư ngắn hạn khác thể hiện các khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng tại các ngân hàng và tổ chức tín dụng với lãi suất hàng năm được hưởng từ 7,2% đến 11% (ngày 31 tháng 12 năm 2012: từ 9% đến 11% một năm). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty có khoản tiền gửi trị giá 5 tỷ đồng được dùng để thế chấp cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long để phát hành thư bảo lãnh thanh toán kinh doanh khí hóa lỏng. Thư bảo lãnh này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 15 tháng 8 năm 2013.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Trả trước cho người bán chủ yếu liên quan đến khoản ứng trước cho Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất nhằm phục vụ dự án mua tàu vận chuyển dầu thô với tải trọng 104.000 DWT và đóng mới tàu chở dầu thô với tải trọng 105.000 DWT như trình bày tại Thuyết minh số 33.

8. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nhiên liệu, phụ tùng thay thế	53.729.677.781	68.196.137.953
Công cụ, dụng cụ	17.276.398.164	12.390.212.850
Hàng hoá	2.395.637.320	2.677.308.757
Hàng gửi đi bán	1.734.806.210	-
	<u>75.136.519.475</u>	<u>83.263.659.560</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi

Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	545.454.545	9.394.572.949	5.165.750.450.482	9.034.998.887	5.184.725.476.863
Tăng trong kỳ	-	2.735.400.940	7.986.436.365	485.424.368	11.207.261.673
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(8.380.249.578)	-	(8.380.249.578)
Điều chỉnh giảm (*)	-	(647.299.859)	(166.071.479)	(5.766.558.139)	(6.579.929.477)
Tại ngày 30/6/2013	<u>545.454.545</u>	<u>11.482.674.030</u>	<u>5.165.190.565.790</u>	<u>3.753.865.116</u>	<u>5.180.972.559.481</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	(109.090.918)	(3.877.366.784)	(1.673.701.012.531)	(7.122.857.231)	(1.684.810.327.464)
Khấu hao trong kỳ	(27.272.724)	(705.406.475)	(173.436.333.833)	(800.369.768)	(174.969.382.800)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	5.110.248.544	-	5.110.248.544
Điều chỉnh giảm (*)	-	1.245.752.139	46.590.053	3.912.901.123	5.205.243.315
Tại ngày 30/6/2013	<u>(136.363.642)</u>	<u>(3.337.021.120)</u>	<u>(1.841.980.507.767)</u>	<u>(4.010.325.876)</u>	<u>(1.849.464.218.405)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2013	<u>409.090.903</u>	<u>8.145.652.910</u>	<u>3.323.210.058.023</u>	<u>(256.460.760)</u>	<u>3.331.508.341.076</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>436.363.627</u>	<u>5.517.206.165</u>	<u>3.492.049.437.951</u>	<u>1.912.141.656</u>	<u>3.499.915.149.399</u>

(*) Điều chỉnh sang chi phí trả trước dài hạn giá trị còn lại của các tài sản cố định hữu hình không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định (nhỏ hơn 30.000.000 đồng) theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 21, Tổng Công ty đã thể chấp một số phương tiện vận tải với tổng nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 lần lượt là 3.736.684.606.883 đồng và 2.371.626.780.776 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 3.733.622.364.059 đồng và 2.567.189.983.684 đồng) làm đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty và để phát hành thư bảo lãnh thanh toán kinh doanh khí hóa lỏng

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tổng công ty có một số phương tiện vận tải và thiết bị văn phòng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá lần lượt là 10.009.185.517 đồng và 2.830.981.235 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 lần lượt là 5.563.746.082 đồng và 3.625.662.443 đồng).

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2012	2.300.000.000	2.024.910.120	126.340.550	4.451.250.670
Tăng trong kỳ	-	195.920.000	-	195.920.000
Điều chỉnh giảm (*)	-	(155.750.300)	-	(155.750.300)
Tại ngày 30/6/2013	<u>2.300.000.000</u>	<u>2.065.079.820</u>	<u>126.340.550</u>	<u>4.491.420.370</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2012	(88.940.842)	(1.312.932.701)	(84.227.034)	(1.486.100.577)
Khấu hao trong kỳ	(17.176.338)	(193.947.951)	(21.056.760)	(232.181.049)
Điều chỉnh giảm (*)	-	120.000.830	-	120.000.830
Tại ngày 30/6/2013	<u>(106.117.180)</u>	<u>(1.386.879.822)</u>	<u>(105.283.794)</u>	<u>(1.598.280.796)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 30/6/2013	<u>2.193.882.820</u>	<u>678.199.998</u>	<u>21.056.756</u>	<u>2.893.139.574</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>2.211.059.158</u>	<u>711.977.419</u>	<u>42.113.516</u>	<u>2.965.150.093</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi

Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

(*) Điều chỉnh sang chi phí trả trước dài hạn giá trị còn lại của các tài sản cố định vô hình không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định (nhỏ hơn 30.000.000 đồng) theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty có một số phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 658.722.800 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 447.355.300 đồng).

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Dự án mua mới tàu chở dầu	13.927.270.710	11.207.921.857
Dự án đóng mới tàu chở dầu	612.521.713.576	634.541.530.611
Dự án xây dựng trạm dừng	49.492.500	36.277.500
Dự án khác	-	1.606.445.678
	626.498.476.786	647.392.175.646

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu thể hiện các chi phí phát sinh tới ngày 30 tháng 6 năm 2013 của dự án đóng mới tàu chở dầu với tải trọng 105.000 DWT và dự án mua mới tàu chở dầu tải trọng 104.000 DWT do Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp tàu thủy Dung Quất thực hiện. Chi phí lãi vay được vốn hóa vào giá trị của dự án đóng tàu tải trọng 105.000 DWT trong 6 tháng đầu năm 2013 với số tiền là 25.165.521.728 đồng (năm 2012: 45.413.441.098 đồng). Tổng Công ty đã thông qua chủ trương chuyển đổi dự án đóng mới tàu chở dầu thô 105.000 DWT thành Kho nổi chứa xuất dầu phục vụ cho mỏ Đại Hùng. Dự án hoàn cải sẽ bắt đầu năm 2014 và dự kiến hoàn thành vào quý 1 năm 2015.

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, bất động sản đầu tư bao gồm chi phí đầu tư vào ba lô đất nền số 8 lô A, số 20 lô A và số 43 lô E thuộc dự án Khu dân cư Phước Long A, Bắc Rạch Chiếc, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị là 8.511.460.000 đồng (không thay đổi so với ngày 31 tháng 12 năm 2012).

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 30 tháng 6 năm 2013 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 30 tháng 6 năm 2013 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Tổng Công ty cho rằng cần phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Tổng Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh thể hiện số vốn đầu tư của Công ty mẹ vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC và Công ty TNHH PVTrans Emas.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3501811660 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 01 tháng 4 năm 2011. Tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 200 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty đã góp 98 tỷ đồng, tương ứng với 49% tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Hoạt động chính của công ty này là dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên; cung cấp lao động chuyên ngành dầu khí.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi

Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Công ty TNHH PVTrans Emas được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3501702083 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 23 tháng 9 năm 2010 và Giấy chứng nhận điều chỉnh. Tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 2.050.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty đã góp 1.025.000.000 đồng, tương ứng với 50% tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Hoạt động chính của công ty này là sửa chữa và bảo dưỡng tàu biển, cầu kiện nổi; dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên.

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết, liên doanh được trình bày như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh	99.025.000.000	99.025.000.000
Phần lợi nhuận của Công ty mẹ phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	13.541.016.613	15.663.779.523
	<u>112.566.016.613</u>	<u>114.688.779.523</u>
Tổng tài sản	456.116.013.509	435.590.894.002
Tổng công nợ	(226.562.716.703)	(201.582.242.311)
Tài sản thuần	<u>229.553.296.806</u>	<u>234.008.651.691</u>
Phần tài sản thuần của Công ty mẹ đầu tư vào công ty liên kết	<u>112.566.016.613</u>	<u>114.688.779.523</u>
	Từ 01/01/2013	Từ 01/01/2012
	đến 30/6/2013	đến 30/6/2012
	VND	VND
Doanh thu thuần	358.676.228.687	303.972.293.869
Lợi nhuận thuần	<u>22.769.432.272</u>	<u>(36.236.982.663)</u>
Lợi nhuận thuần của Công ty mẹ từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	<u>11.217.382.798</u>	<u>5.103.836.522</u>

14. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu liên hợp Công nghiệp Dầu khí - Long Sơn	10.011.000.000	10.011.000.000
PV KEEZ Pte Ltd	63.052.276.252	63.052.276.252
Đầu tư dài hạn khác	<u>260.000.000.000</u>	<u>160.000.000.000</u>
	<u>333.063.276.252</u>	<u>233.063.276.252</u>

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Khu liên hợp Công nghiệp Dầu khí - Long Sơn thể hiện khoản góp vốn theo Biên bản số 3845/BB-DKVN ngày 3 tháng 7 năm 2008 của Petro Việt Nam về việc thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Khu liên hợp Công nghiệp Dầu khí - Long Sơn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty đã góp 10.011.000.000 đồng, tương ứng 1% vốn góp.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 16 tháng 7 năm 2010, Tổng Công ty được phép liên doanh với 3 công ty nước ngoài thành lập công ty PV KEEZ PTE. LTD tại Singapore với mục đích cung cấp tàu chứa và xử lý dầu thô cho mỏ Chìm Sáo và Dừa. Tổng vốn đầu tư của dự án là 405 triệu đô la Mỹ, trong đó, vốn đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư Việt Nam là 9 triệu đô la Mỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty đã góp 3.205.425 đô la Mỹ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi

Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn mười ba tháng tại các ngân hàng với lãi suất được hưởng là 11% một năm.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	164.853.449.074	177.368.535.272
Chi phí trả trước về công cụ dụng cụ	1.918.935.813	5.381.235.551
Chi phí trả trước dài hạn khác	5.924.985.384	5.522.315.855
	<u>172.697.370.271</u>	<u>188.272.086.678</u>

16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Tổng Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong kỳ:

	Chi phí phải trả và dự phòng <u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2012	1.482.506.058
Tính vào lợi nhuận trong năm	3.432.369.627
Tại ngày 31/12/2012	<u>4.914.875.685</u>
Tính vào lợi nhuận trong kỳ	(1.473.692.281)
Tại ngày 30/6/2013	<u>3.441.183.404</u>

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2013 và ngày 30/6/2013	<u>3.549.487.173</u>
HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2013	1.419.795.436
Phân bổ trong kỳ	354.948.718
Tại ngày 30/6/2013	<u>1.774.744.154</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 30/6/2013	<u>1.774.743.019</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>2.129.691.737</u>

18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay ngắn hạn	-	49.761.872.200
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số 21)	919.396.930.768	894.390.973.714
	<u>919.396.930.768</u>	<u>944.152.845.914</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi

Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	6.623.194.068	19.714.873.925
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	24.471.320.516	5.870.824.111
Thuế thu nhập cá nhân	2.478.358.305	4.790.828.071
Thuế nhà thầu	981.830.437	3.234.742.170
Thuế khác	217.422.547	711.933.637
	34.772.125.873	34.323.201.914

Tình hình tăng giảm khoản thuế và các khoản phải nộp nhà nước trong kỳ như sau:

	Tại ngày 01/01/2013	Số phải nộp	Số đã nộp	Tại ngày 30/6/2013
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	19.841.113.439	54.102.878.781	67.320.798.152	6.623.194.068
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	200.053.236	724.679.951	856.978.727	67.754.460
Thuế thu nhập doanh nghiệp	493.817.001	44.334.547.965	20.367.860.560	24.460.504.406
Thuế thu nhập cá nhân	4.862.084.564	15.316.256.317	17.680.563.266	2.497.777.615
Thuế nhà thầu	3.529.590.582	5.732.160.416	8.151.207.766	1.110.543.232
Thuế môn bài	-	44.000.000	44.000.000	-
Thuế khác	1.535.982	-	-	1.535.982
Tổng	28.928.194.804	120.254.523.430	114.421.408.471	34.761.309.763
Trong đó:				
Thuế và các khoản phải thu	(5.395.007.110)			(10.816.110)
Thuế và các khoản phải nộp	34.323.201.914			34.772.125.873
	28.928.194.804			34.761.309.763

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	65.588.263.841	14.517.744.795
Chi phí lãi vay	23.051.163.375	26.328.479.418
Chi phí nhiên liệu, vật tư	7.536.744.367	3.068.947.319
Phí bảo lãnh, quản lý	7.806.046.618	7.757.667.869
Phí hoa hồng, đại lý	8.988.644.431	8.514.533.404
Chi phí khác	21.777.716.984	17.411.292.832
	134.748.579.616	77.598.665.637

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi

Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam	316.122.383.963	385.435.257.812
Ngân hàng Citi	1.525.437.329.320	1.138.939.954.651
Ngân hàng Natixis - chi nhánh Hồ Chí Minh	463.697.846.620	454.363.967.539
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	856.055.475.568	910.395.575.318
Ngân hàng Phát triển nhà Hà Nội - CN Sài Gòn	-	27.059.500.000
Ngân hàng Indovina - chi nhánh Chợ Lớn	78.018.404.650	89.664.567.350
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	98.000.000.000	-
	<u>3.337.331.440.121</u>	<u>3.005.858.822.670</u>

Tổng Công ty đã ký một số hợp đồng vay dài hạn các ngân hàng thương mại và tổ chức tài chính với tổng hạn mức tín dụng là 1.230.162.600.000 đồng, 151.166.702 đô la Mỹ và 9.936.854.077 Yên Nhật (tương đương 82.037.460 đô la Mỹ) (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 11.132.162.600.000 đồng, 231.159.714 đô la Mỹ và 15.697.500.000 Yên Nhật (tương đương 183.973.519 đô la Mỹ)). Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số phương tiện vận chuyển của Tổng Công ty cùng doanh thu về cước tàu của Công ty Thái Bình Dương (công ty con) và phần vốn góp của Công ty mẹ trong công ty con này. Tổng Công ty phải chịu lãi suất lãi tiền vay từ 4,34% đến 6,15% một năm cho khoản vay bằng tiền đô la Mỹ và lãi suất kỳ hạn 12 tháng cộng 2,88% - 4,5% một năm hoặc lãi suất là 0,1% - 6,15%/một năm cho khoản vay bằng tiền đồng Việt Nam.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	919.396.930.768	894.390.973.714
Trong năm thứ hai	474.311.833.251	533.432.176.413
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.420.894.802.912	1.368.012.850.036
Sau năm năm	1.442.124.803.958	1.104.413.796.221
	<u>4.256.728.370.889</u>	<u>3.900.249.796.384</u>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)	(919.396.930.768)	(894.390.973.714)
Số phải trả sau 12 tháng	<u>3.337.331.440.121</u>	<u>3.005.858.822.670</u>

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	30/6/2013	31/12/2012
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	<u>232.600.000</u>	<u>232.600.000</u>
+ Cổ phần phổ thông	232.600.000	232.600.000
Số lượng cổ phần đang lưu hành	<u>232.600.000</u>	<u>232.600.000</u>
+ Cổ phần phổ thông	232.600.000	232.600.000

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi

Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Chi tiết cổ phần sở hữu của các cổ đông lớn sở hữu từ 5% trở lên tại ngày kết thúc kỳ hoạt động như sau:

	Tại 30/6/2013 và 31/12/2012	
	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.358.499.460.000	58,4
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu Khí Việt Nam	193.485.380.000	8,3

Chi tiết thay đổi vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau:

	Vốn cổ phần	Chênh lệch tỉ giá hối đoái	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2012	2.326.000.000.000	(212.044.709.047)	95.617.838.717	17.246.831.519	2.878.356.342	44.525.718.360	2.274.224.035.891
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	109.286.816.483	109.286.816.483
Phân bổ vào kết quả kinh doanh	-	337.346.299.793	-	-	-	-	337.346.299.793
Trích lập quỹ	-	-	32.395.427.351	5.868.238.413	3.309.460.492	(46.341.209.179)	(4.768.082.923)
Giảm khác	-	(125.301.590.746)	-	-	-	(1.280.304.289)	(126.581.895.035)
Tại ngày 31/12/2012	2.326.000.000.000	-	128.013.266.068	23.115.069.932	6.187.816.834	106.191.021.375	2.589.507.174.209
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	129.286.390.190	129.286.390.190
Trích lập quỹ (*)	-	-	39.712.708.524	7.076.350.262	2.733.677.123	(57.488.713.704)	(7.965.977.795)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(2.166.091.734)	(2.166.091.734)
Tại ngày 30/6/2012	2.326.000.000.000	-	167.725.974.592	30.191.420.194	8.921.493.957	175.822.606.127	2.708.661.494.870

- (*) Số trích lập các quỹ trong kỳ bao gồm số trích lập bổ sung các Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (Quỹ khác), Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính và Quỹ khen thưởng phúc lợi của Tổng Công ty từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty mẹ thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2013 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của các Công ty con.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định như sau:

	Công ty Vũng Tàu VND	Công ty Hà Nội VND	Công ty Phương Nam VND	Công ty Thái Bình Dương VND	Công ty Sản phẩm khí VND	Công ty Đồng Dương VND	Công ty Cửu Long VND	Công ty Phương Đông Việt VND	Công ty Quảng Ngãi VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012									
Vốn điều lệ của công ty con	76.231.682.000	78.100.000.000	382.565.080.000	942.750.280.000	300.000.000.000	100.000.000.000	230.000.000.000	140.000.000.000	7.610.000.000
Trong đó:									
- Vốn của Công ty mẹ	76.000.000.000	77.800.000.000	205.632.000.000	612.000.000.000	203.209.000.000	38.670.000.000	52.037.720.000	75.974.870.000	7.600.000.000
- Vốn của cổ đông thiểu số	231.682.000	300.000.000	176.933.080.000	330.750.280.000	96.791.000.000	61.330.000.000	177.962.280.000	64.025.130.000	10.000.000
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	0,30%	0,38%	46,25%	35,08%	32,26%	61,33%	77,37%	45,73%	0,13%
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013									
Vốn điều lệ của công ty con	156.232.000.000	108.100.000.000	382.565.080.000	942.750.280.000	300.000.000.000	100.000.000.000	230.000.000.000	170.000.000.000	7.610.000.000
Trong đó:									
- Vốn của Công ty mẹ	156.000.000.000	107.800.000.000	205.632.000.000	612.000.000.000	203.209.000.000	38.670.000.000	52.037.720.000	107.869.870.000	7.600.000.000
- Vốn của cổ đông thiểu số	232.000.000	300.000.000	176.933.080.000	330.750.280.000	96.791.000.000	61.330.000.000	177.962.280.000	62.130.130.000	10.000.000
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	0,15%	0,28%	46,25%	35,08%	32,26%	61,33%	77,37%	36,55%	0,13%

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Lợi ích của cổ đông thiểu số:

	Công ty Vũng Tàu VND	Công ty Hà Nội VND	Công ty Phương Nam VND	Công ty Thái Bình Dương VND	Công ty Sân phẩm khí VND	Công ty Đông Dương VND	Công ty Cửu Long VND	Công ty Phương Đông Việt VND	Công ty Quảng Ngãi VND	Tổng VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012										
Vốn của cổ đông thiểu số	231.682.000	300.000.000	176.933.080.000	330.750.280.000	121.291.000.000	61.330.000.000	177.962.280.000	64.025.130.000	10.000.000	932.833.452.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-	-	500.000.000	-	500.000.000
Quỹ đầu tư và phát triển	-	-	-	-	2.646.607.640	-	-	-	-	2.646.607.640
Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	1.895.160.528	1.874.852.547	-	-	-	-	3.770.013.075
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	657.740.218	551.551.099	-	89.572.843	-	-	1.298.864.160
Lợi nhuận chưa phân phối	14.612.285	4.266.101	(169.717.644.168)	(23.785.907.195)	23.899.178.864	(6.876.866.740)	7.326.764.673	(48.591.680.876)	4.808.232	(217.722.468.824)
	246.294.285	304.266.101	7.215.435.832	309.517.273.551	150.263.190.150	54.453.133.260	185.378.617.516	15.933.449.124	14.808.232	723.326.468.051
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013										
Vốn của cổ đông thiểu số	232.000.000	300.000.000	176.933.080.000	330.750.280.000	121.291.000.000	61.330.000.000	177.962.280.000	64.025.130.000	10.000.000	932.833.770.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-	-	500.000.000	-	500.000.000
Quỹ đầu tư và phát triển	-	-	-	-	3.747.280.406	-	-	-	-	3.747.280.406
Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	1.895.160.528	3.093.644.615	-	290.201.317	-	-	5.279.006.460
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	657.740.218	551.551.099	-	379.774.160	-	-	1.589.065.477
Lợi nhuận chưa phân phối	16.730.792	11.678.853	(169.135.509.164)	(22.162.315.847)	14.509.808.704	(8.081.313.083)	9.456.125.267	(45.330.311.874)	5.942.347	(220.709.164.005)
	248.730.792	311.678.853	7.797.570.836	311.140.864.899	143.193.284.824	53.248.686.917	188.088.380.744	19.194.818.126	15.942.347	723.239.958.338

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ:

	Công ty Vũng Tàu VND	Công ty Hà Nội VND	Công ty Phương Nam VND	Công ty Thái Bình Dương VND	Công ty Sân phẩm khí VND	Công ty Đông Dương VND	Công ty Cửu Long VND	Công ty Phương Đông Việt VND	Công ty Quảng Ngãi VND	Tổng VND
Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012										
Lợi nhuận/ (lỗ) trong năm	1.962.099.152	661.623.535	(120.466.435.519)	(29.173.864.000)	22.862.311.613	(2.264.555.270)	3.794.822.388	129.436.449	-	(122.494.561.652)
Lợi nhuận/ (lỗ) của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh	5.963.178	2.541.448	(55.714.696.890)	(10.235.227.601)	9.906.373.629	(1.388.024.484)	2.936.240.193	59.194.182	-	(54.427.636.345)
Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013										
Lợi nhuận/ (lỗ) trong năm	1.532.337.948	2.741.411.247	1.258.693.538	4.627.785.045	25.599.341.005	(1.963.875.864)	4.452.239.005	8.923.034.205	1.022.290.880	48.193.257.009
Lợi nhuận/ (lỗ) của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh	2.275.478	7.607.987	582.135.004	1.623.591.350	10.597.009.468	(1.204.445.067)	3.444.915.671	3.261.113.383	1.343.352	18.315.546.626

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi,
Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 4 bộ phận hoạt động - Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải, Bộ phận kinh doanh dịch vụ cung cấp kho nổi, Bộ phận kinh doanh thương mại và Bộ phận kinh doanh dịch vụ khác. Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo bốn bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của bốn bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải - kinh doanh vận tải bằng tàu và xe taxi

Bộ phận kinh doanh dịch vụ cung cấp kho nổi - kinh doanh cung cấp kho nổi cho mỏ dầu

Bộ phận kinh doanh thương mại - kinh doanh mua bán mặt hàng LPG, xăng dầu và hàng hóa khác

Bộ phận kinh doanh dịch vụ khác

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán

<u>30/6/2013</u>	Dịch vụ vận tải <u>VND</u>	Cung cấp kho nổi <u>VND</u>	Thương mại <u>VND</u>	Dịch vụ khác <u>VND</u>	Không phân loại được <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Tài sản						
Tài sản bộ phận	5.103.934.643.072	259.822.541.053	323.651.843.708	269.440.304.754	-	5.956.849.332.587
Lãi từ công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	11.217.382.798	11.217.382.798
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	2.469.403.850.687	2.469.403.850.687
Tổng tài sản hợp nhất	-	-	-	-	-	<u>8.437.470.566.072</u>
Nợ phải trả						
Nợ phải trả bộ phận	2.396.879.955.911	154.207.533.793	229.417.449.183	166.786.317.733	-	2.947.291.256.620
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	2.058.277.856.244	2.058.277.856.244
Tổng nợ phải trả hợp nhất	-	-	-	-	-	<u>5.005.569.112.864</u>

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

<u>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</u>	Dịch vụ vận tải <u>VND</u>	Cung cấp kho nổi <u>VND</u>	Thương mại <u>VND</u>	Dịch vụ khác <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Doanh thu					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.218.118.026.779	204.069.394.462	796.263.278.192	105.766.957.770	2.324.217.657.203
Tổng doanh thu	<u>1.218.118.026.779</u>	<u>204.069.394.462</u>	<u>796.263.278.192</u>	<u>105.766.957.770</u>	<u>2.324.217.657.203</u>
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Kết quả hoạt động kinh doanh	<u>222.498.473.060</u>	<u>25.346.119.099</u>	<u>22.340.657.524</u>	<u>7.642.882.561</u>	<u>277.828.132.244</u>
Chi phí không phân bổ					(64.414.014.090)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					213.414.118.154
Doanh thu hoạt động tài chính					86.875.645.802
Lợi nhuận khác					6.409.614.211
Chi phí tài chính					(116.777.640.544)
Lợi nhuận trước thuế					189.921.737.623
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(40.846.108.526)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(1.473.692.281)
Lợi nhuận trong kỳ					<u>147.601.936.816</u>
Thông tin khác					
Khấu hao					<u>175.201.563.849</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi,
Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Bảng cân đối kế toán

31 tháng 12 năm 2012	Dịch vụ vận tải VND	Cung cấp kho nổi VND	Thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Không phân loại được VND	Tổng VND
Tài sản						
Tài sản bộ phận	2.328.147.244.978	274.899.740.908	312.779.100.015	1.653.930.577.619	-	4.569.756.663.520
Lãi từ công ty liên doanh, liên kết		-	-	-	15.663.779.523	15.663.779.523
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	3.346.566.045.779	3.346.566.045.779
Tổng tài sản hợp nhất						<u>7.931.986.488.822</u>
Nợ phải trả						
Nợ phải trả bộ phận	4.008.187.831.905	121.821.924.844	214.698.354.671	165.544.470.240	-	4.510.252.581.660
Nợ phải trả không phân bổ		-	-	-	108.900.264.902	108.900.264.902
Tổng nợ phải trả hợp nhất						<u>4.619.152.846.562</u>

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Dịch vụ vận tải VND	Cung cấp kho nổi VND	Thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Tổng VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	982.121.951.749	118.897.786.894	802.556.265.903	284.693.630.437	2.188.269.634.983
Tổng doanh thu	<u>982.121.951.749</u>	<u>118.897.786.894</u>	<u>802.556.265.903</u>	<u>284.693.630.437</u>	<u>2.188.269.634.983</u>
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Kết quả hoạt động kinh doanh	<u>100.584.910.131</u>	<u>24.874.126.329</u>	<u>7.464.535.449</u>	<u>56.048.031.784</u>	<u>188.971.603.693</u>
Chi phí không phân bổ					(104.551.822.435)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					84.419.781.258
Doanh thu hoạt động tài chính					87.532.690.696
Lợi nhuận khác					151.462.210.556
Chi phí tài chính					(269.427.333.223)
Lợi nhuận trước thuế					53.987.349.287
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(21.178.603.719)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
Lợi nhuận trong kỳ					<u>32.808.745.568</u>
Thông tin khác					
Khấu hao					<u>192.530.316.657</u>

25. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Dịch vụ vận tải	1.218.118.026.779	982.121.951.749
Dịch vụ cung cấp kho nổi	204.069.394.462	118.897.786.894
Thương mại	796.263.278.192	802.556.265.903
Dịch vụ khác	105.766.957.770	284.693.630.437
	<u>2.324.217.657.203</u>	<u>2.188.269.634.983</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi,
 Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Dịch vụ vận tải	995.619.553.719	881.537.041.618
Dịch vụ cung cấp kho nổi	178.723.275.363	94.023.660.565
Thương mại	773.922.620.668	795.091.730.454
Dịch vụ khác	98.124.075.209	228.645.598.653
	2.046.389.524.959	1.999.298.031.290

27. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	337.637.275.201	667.385.047.514
Chi phí nhân công	233.192.602.504	142.033.460.558
Chi phí khấu hao tài sản cố định	175.201.563.849	192.530.316.657
Chi phí dịch vụ mua ngoài	151.171.054.556	467.932.861.293
Chi phí khác	411.901.336.144	439.196.849.559
	1.309.103.832.254	1.909.078.535.581

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, tiền ủy thác đầu tư	68.409.493.588	80.650.460.994
Cổ tức, lợi nhuận được chia	856.451.400	576.833.946
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.360.197.928	396.457.834
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	804.514.900
Doanh thu hoạt động tài chính khác	32.120.088	586.500
	75.658.263.004	82.428.854.174

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Chi phí lãi vay	56.948.045.112	73.078.909.145
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.299.553.849	12.756.852.870
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	39.651.927.800	183.278.521.208
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	1.983.947.485	-
Chi phí tài chính khác	10.894.166.298	313.050.000
	116.777.640.544	269.427.333.223

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi,

Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***30. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	4.809.675.620	459.188.058.438
Thu lãi phạt, tiền phạt	1.844.633.694	3.842.563.922
Thu từ bồi thường bảo hiểm	280.746.471	911.575.735
Hao hụt vận chuyển	341.313.485	7.979.027.345
Thu nhập khác	3.926.891.371	1.943.026.474
	<u>11.203.260.641</u>	<u>473.864.251.914</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	3.295.001.034	309.591.042.780
Lãi phạt phải trả	696.592	1.770.863.014
Hao hụt vận chuyển	-	8.121.443.224
Chi phí khác	1.497.948.804	2.918.692.340
	<u>4.793.646.430</u>	<u>322.402.041.358</u>
Lợi nhuận khác	<u>6.409.614.211</u>	<u>151.462.210.556</u>

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	189.921.737.623	53.987.349.287
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(7.166.970.261)	(90.916.192.271)
Trừ: Lãi đầu tư vào công ty liên kết	(11.217.382.798)	(5.103.836.522)
Cộng: Các khoản lỗ của công ty con	1.963.875.864	124.928.818.694
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.441.055.091	2.567.579.594
Thu nhập chịu thuế	<u>175.942.315.519</u>	<u>85.463.718.782</u>
Lỗ năm trước mang sang	(15.937.328.207)	(749.303.909)
Thu nhập chịu thuế đã điều chỉnh	<u>160.004.987.312</u>	<u>84.714.414.873</u>
Thuế suất hiện hành	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>40.001.246.828</u>	<u>21.178.603.719</u>
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	844.861.698	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sau điều chỉnh	<u>40.846.108.526</u>	<u>21.178.603.719</u>

Công ty mẹ và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty Thái Bình Dương, Công ty Phương Nam, Công ty Phương Đông Việt và Công ty Đông Dương (Công ty con của Tổng Công ty) có tổng khoản lỗ chưa sử dụng là 561.553.725.482 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 575.527.177.825 đồng) có thể được khấu trừ vào lợi nhuận tính thuế trong tương lai. Không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản lỗ này do các Công ty này không chắc chắn thu được lợi nhuận trong tương lai để khấu trừ. Các khoản lỗ sẽ được phép chuyển trong vòng năm năm kể từ năm phát sinh và sẽ hết hạn chuyển theo lịch biểu sau:

Năm	Khoản lỗ tính thuế VND
2014	128.772.318.554
2015	128.942.479.492
2016	7.833.307.453
2017	294.041.744.119
2018	1.963.875.864
	<u>561.553.725.482</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi,

Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được tính trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Lợi nhuận trong kỳ	147.601.936.816	32.808.745.568
Phân bổ cho:		
- Cổ đông thiểu số	18.315.546.626	(54.427.636.345)
- Cổ đông của Công ty mẹ	129.286.390.190	87.236.381.913
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	129.286.390.190	87.236.381.913
Số cổ phần phổ thông bình quân gia quyền để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	232.600.000	232.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	556	375

33. CÁC KHOẢN CAM KẾT VỐN

Vào ngày 27 tháng 2 năm 2011, Tổng Công ty đã ký hợp đồng mua mới 1 tàu chở dầu thô trọng tải 104.000 DWT với Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất, gọi tắt là bên Bán. Tổng Công ty đã thực hiện tạm ứng theo Hợp đồng cho bên Bán với tổng số tiền tạm ứng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 457.440.000.000 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 433.440.000.000 đồng) để phục vụ cho việc đóng và hoàn thiện tàu con tàu này. Trị giá của hợp đồng này sẽ do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam quyết định.

Tổng Công ty Vận tải Dầu khí cũng đã ký kết hợp đồng đóng tàu chở dầu thô trọng tải 105.000 DWT với Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất và chuyển giao cho Công ty Thái Bình Dương (công ty con). Giá trị ước tính của con tàu là 123.793.700 đô la Mỹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, tổng chi phí phát sinh liên quan đến việc đóng tàu là 1.033.252.024.876 đồng (tương đương 48.899.765 đô la Mỹ).

34. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	18.198.108.055	52.198.002.595
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:		
	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong vòng một năm	14.405.011.141	19.621.803.885
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	9.629.871.152	16.128.437.935
Sau năm năm	1.760.317.057	2.209.806.470
	25.795.199.350	37.960.048.290

Thuê hoạt động thể hiện các khoản thuê đất, thuê văn phòng và thuê cơ sở hạ tầng của Tổng Công ty và các công ty con. Các khoản thuê văn phòng được ký cho các giai đoạn từ ba năm đến bảy năm. Các khoản thuê đất được ký với thời hạn từ năm đến bốn mươi năm và khoản thuê cơ sở hạ tầng được ký với thời hạn là 20 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 và 21, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	4.256.728.370.889	3.950.011.668.584
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	2.082.723.889.538	1.088.991.821.550
Nợ thuần	2.174.004.481.351	2.861.019.847.034
Vốn chủ sở hữu	2.708.661.494.870	2.589.507.174.209
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,80</u>	<u>1,10</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.082.723.889.538	1.088.991.821.550
Đầu tư tài chính	506.401.557.952	142.334.829.900
Phải thu khách hàng và phải thu khác	551.089.419.291	990.200.873.890
Các khoản ký quỹ	11.645.863.269	5.663.760.503
Tổng cộng	<u>3.151.860.730.050</u>	<u>2.227.191.285.843</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	4.256.728.370.889	3.950.011.668.584
Phải trả người bán và phải trả khác	464.785.644.110	469.678.642.328
Chi phí phải trả	134.748.579.616	77.598.665.637
Tổng cộng	<u>4.856.262.594.615</u>	<u>4.497.288.976.549</u>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi,
Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm kết thúc kỳ hoạt động như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	30/6/2013	31/12/2012	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	152.647.431.057	282.495.563.536	3.240.899.366.333	3.656.247.975.990
Euro (EUR)	17.693.141	8.959.372	-	-
Yên Nhật (JPY)	27.543	27.543	-	-
Bảng Anh (GBP)	-	-	2.006.017.336	-

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ (USD), đồng Euro (EUR), đồng Yên Nhật (JPY) và đồng Bảng Anh (GBP).

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 3% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 3% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 3% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Tổng Công ty sẽ (giảm)/tăng các khoản tương ứng như sau:

	2012	2013
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	(92.647.558.058)	(101.212.572.374)
Euro (EUR)	530.794	268.781
Yên nhật (JPY)	826	826
Đồng Bảng Anh (GBP)	(60.180.520)	-

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên doanh, liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên doanh, liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi,

Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

<u>30/6/2013</u>	<u>Dưới 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Từ 1 năm trở lên</u> <u>VND</u>	<u>Tổng</u> <u>VND</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.082.723.889.538	-	2.082.723.889.538
Đầu tư tài chính	173.338.281.700	333.063.276.252	506.401.557.952
Phải thu khách hàng và phải thu khác	551.089.419.291	-	551.089.419.291
Các khoản ký quỹ	5.042.050.990	6.603.812.279	11.645.863.269
Tổng cộng	2.812.193.641.519	339.667.088.531	3.151.860.730.050
Các khoản vay	919.396.930.768	3.337.331.440.121	4.256.728.370.889
Phải trả người bán và phải trả khác	434.605.142.020	30.180.502.090	464.785.644.110
Chi phí phải trả	134.748.579.616	-	134.748.579.616
Tổng cộng	1.488.750.652.404	3.367.511.942.211	4.856.262.594.615
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.323.442.989.115	(3.027.844.853.680)	(1.704.401.864.565)
	<u>Dưới 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Từ 1 năm trở lên</u> <u>VND</u>	<u>Tổng</u> <u>VND</u>
<u>31/12/2012</u>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.088.991.821.550	-	1.088.991.821.550
Đầu tư tài chính	142.334.829.900	-	142.334.829.900
Phải thu khách hàng và phải thu khác	990.200.873.890	-	990.200.873.890
Các khoản ký quỹ	816.069.000	4.847.691.503	5.663.760.503
Tổng cộng	2.222.343.594.340	4.847.691.503	2.227.191.285.843
Các khoản vay	944.152.845.914	3.005.858.822.670	3.950.011.668.584
Phải trả người bán và phải trả khác	452.688.740.930	16.989.901.398	469.678.642.328
Chi phí phải trả	77.598.665.637	-	77.598.665.637
Tổng cộng	1.474.440.252.481	3.022.848.724.068	4.497.288.976.549
Chênh lệch thanh khoản thuần	747.903.341.859	(3.018.001.032.565)	(2.270.097.690.706)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi,
Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau đây với các bên liên quan:

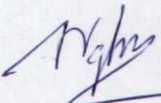
	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Dịch vụ cung cấp		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	1.132.884.388.827	988.832.002.966
Công ty TNHH PVTrans - Emas	91.586.273.625	88.956.116.097
Chi phí lãi vay		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	21.964.521.600	22.070.613.042

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ như sau:

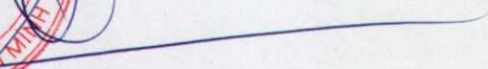
	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Lương thưởng và các khoản phúc lợi khác	2.344.197.066	2.255.274.978

Số dư với các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Các khoản phải thu		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	287.642.866.919	339.207.862.643
Công ty TNHH PVTrans - Emas	54.226.055.688	53.436.578.044
Trả trước cho người bán		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	879.425.435.620	854.070.307.920
Các khoản phải trả		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	166.842.430.045	109.939.796.427
Các khoản vay phải trả		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	1.229.202.153.054	1.319.915.810.891


Nguyễn Bá Công
Người lập biểu


Nguyễn Thị Kim Anh
Kế toán trưởng


Phạm Việt Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 8 năm 2013

